

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP
ĐOÀN HIPT

DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Tây Hồ,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0100364579

Reason: I am the author of this document

Location: your signing location here

Date: 2022.06.09 18:43:10+07'00'

Foxit Reader Version: 10.1.1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NIÊN ĐỘ 2021 – 2022

(Tháng 06 năm 2022)



MỤC LỤC

| | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| I. TỔNG QUAN HIPT | 3 |
| 1. Giới thiệu công ty..... | 3 |
| 2. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động..... | 3 |
| 3. Định hướng phát triển..... | 3 |
| 4. Mô hình tổ chức..... | 4 |
| 5. Bộ máy quản lý..... | 5 |
| II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | 5 |
| 3. Tình hình tài chính..... | 8 |
| 4. Cơ cấu cổ đông..... | 9 |
| III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY | 10 |
| 1. Đánh giá về kết quả hoạt động năm 2020-2021 | 10 |
| IV. TRÍCH LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2021-2022 (tài liệu kèm theo) | 10 |

I. TỔNG QUAN HIPT

1. Giới thiệu công ty

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
- Tên tiếng Anh: HIPT Group Joint Stock Company
- Tên viết tắt: HIPT Group JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100364579
- Mã chứng khoán: HIG – Sàn giao dịch UpCom
- Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
- Số điện thoại: 024 3847 4548
- Vốn điều lệ: 225.590.300.000 VNĐ
- Vốn chủ sở hữu: 328.767.737.293 VNĐ
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (HIPT) được Thành lập vào ngày 18/06/1994 với tên gọi đầu tiên là Công ty TNHH Hỗ trợ Phát triển Tin học và được đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT vào năm 2006. Sự ra đời của HIPT có quan hệ mật thiết với những tên tuổi lớn trong ngành công nghệ trong nước và thế giới như Hewlett-Packard (HP) và Tập đoàn FPT (FPT). Với hơn 27 năm phát triển, HIPT hiện nay là một trong những Công ty Công nghệ hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực Tích hợp Hệ thống.

2. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động

a. Lĩnh vực hoạt động:

- Cung cấp giải pháp công nghệ thông tin: Tích hợp hệ thống, phát triển phần mềm, cung cấp thiết bị tin học.
- Cung cấp dịch vụ CNTT: Đào tạo và chuyển giao công nghệ; Bảo trì thiết bị Công nghệ thông tin.

b. Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Định hướng phát triển

- **Mục tiêu:** Xây dựng công ty thành một tập đoàn kinh tế hùng mạnh, trở thành một trong những công ty cung cấp giải pháp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực tích hợp hệ thống và xây dựng, triển khai các hệ thống tin tổng thể cho Cơ sở dữ liệu lớn.

- **Thị trường - Sản phẩm – dịch vụ:** HiPT không ngừng nỗ lực mở rộng thị trường rộng khắp, mang lại dịch vụ và sản phẩm cho hầu hết khách hàng ở các mảng thị trường tài chính công, chính phủ, ngân hàng, bảo hiểm, doanh nghiệp, giáo dục, y tế, viễn thông...

- Quản trị doanh nghiệp

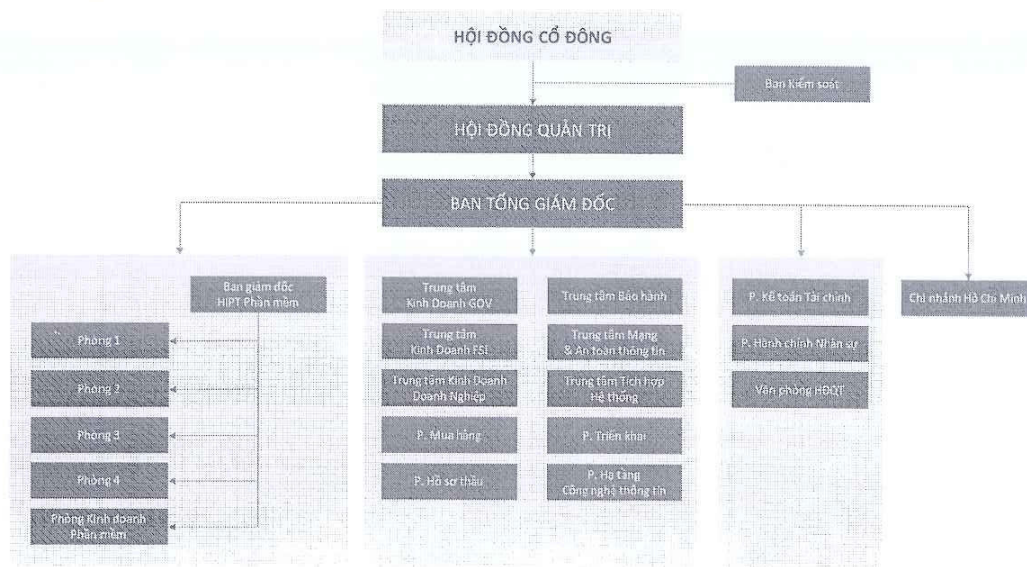
○ **Tổ chức vận hành:** Tinh giản mô hình tổ chức, nâng cao năng suất lao động, phát triển lực lượng lao động Công nghệ thông tin có trình độ chuyên môn cao và đội ngũ kinh doanh mạnh mẽ.

○ **Quản lý tài chính:** Nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp, tăng cường cắt giảm chi phí, tối đa hóa lợi nhuận, tăng hiệu quả sử dụng vốn và tài sản doanh nghiệp.

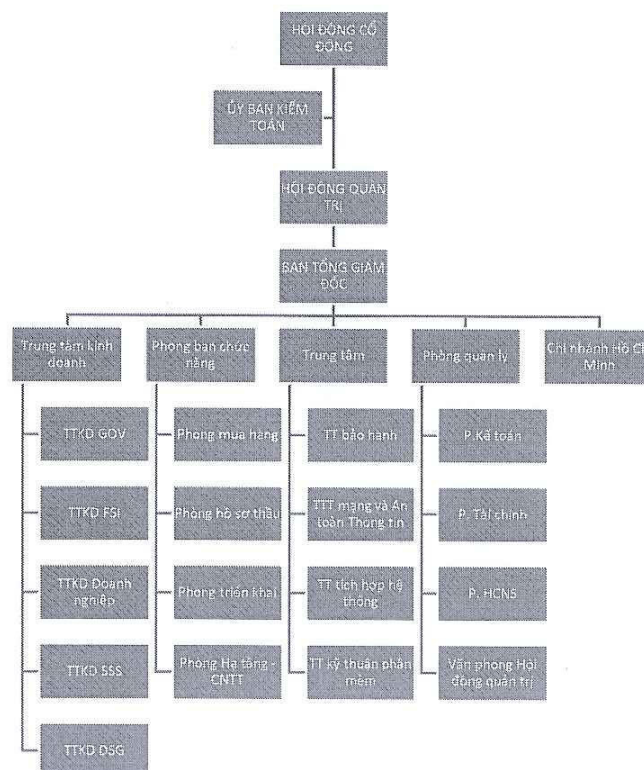
○ **Quản lý đầu tư:** Tăng cường giám sát hiệu quả các dự án đầu tư.

4. Mô hình tổ chức

Tới ngày 20/05/2022



Từ ngày 21/05/2022



5. Bộ máy quản lý

Hội đồng quản trị gồm 3 thành viên:

1. Ông Đặng Hoàng Giang – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lê Hải Đoàn - Ủy viên HĐQT
3. Bà Đỗ Thị Mai - Ủy viên HĐQT
4. Ủy ban kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT bao gồm 6 thành viên:

- Ông Lê Hải Đoàn Tổng Giám đốc (từ 01/04/2021)
- Ông Hoàng Thanh Phúc Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trần Thành Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trương Phúc Giang Phó Tổng Giám đốc (từ 15/04/2021)
- Ông Trần Thanh Tuấn Phó Tổng Giám đốc (từ 15/04/2021)
- Ông Phạm Nguyễn Cao Đăng Phó Tổng Giám đốc (từ 17/05/2021)

- Bà Trần Thị Phương Thảo Kế toán trưởng (từ 01/04/2022)
- Bà Phạm Thị Phương Thảo Người phụ trách quản trị (từ 23/05/2022)

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Hoạt động kinh doanh

1.1. Kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Niên độ 2021-2022 | Niên độ 2020-2021 |
|-----|--------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 425 | 640,5 |
| 2 | Lãi gộp | 47,8 | 21,9 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 2,99 | 4,7 |

Trong năm 2021-2022, nền kinh tế nói chung vẫn tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng bởi dịch bệnh Covid-19. Mức độ ảnh hưởng có phần lớn hơn trong năm 2020-2021. Tuy nhiên, với nỗ lực chung của toàn thể nhân sự Công ty, HIPT tiếp tục giữ được kết quả kinh doanh tương đối khả quan.

1.2. Hoạt động kinh doanh

HIPT tiếp tục cung cấp các dịch vụ và sản phẩm công nghệ thông tin ra thị trường với 5 lĩnh vực sản phẩm dịch vụ chính bao gồm: Dịch vụ Tích hợp hệ thống, Hạ tầng

Công nghệ thông tin, Dịch vụ An toàn thông tin, Xây dựng và Triển khai Phần mềm và Thiết bị Công nghệ thông tin.

Trong năm 2021-2022, dù tiếp tục nhận được sự tin tưởng của nhiều khách hàng lớn, với nhiều dự án được ký kết, tuy nhiên việc triển khai dự án của HIPT gặp nhiều ảnh hưởng từ dịch Covid-19. Sự gián đoạn chuỗi cung ứng thiết bị toàn cầu bởi dịch bệnh đã có ảnh hưởng rất tiêu cực tới hiệu quả hoạt động của HIPT trong niên độ 2021-2022. Nhiều dự án đã không thể hoàn thành ghi nhận kết quả doanh số trong năm 2021-2022 như kế hoạch bởi vấn đề này. Trong năm 2021-2022, các hoạt động của HIPT tại thị trường phía nam bị ngưng trệ trong thời gian khá dài do diễn biến của dịch bệnh và biện pháp phong tỏa của Chính phủ. Chi nhánh HIPT tại thành phố Hồ Chí Minh là một trong những bộ phận được đặt nhiều kì vọng có doanh số tăng trưởng mạnh trong năm 2021-2022 đã không đạt được kết quả như mong muốn. Tuy vậy, sau khi làn sóng Covid-19 được kiểm soát, hoạt động của HIPT vào cuối năm 2021 và đầu năm 2022 nhìn chung đã có nhiều biến chuyển rất tích cực.

Một điểm đáng chú ý trong năm 2021-2022 là HIPT đã hoàn thành đóng lại các dự án gặp khó khăn và phải trích lập dự phòng lớn trong nhiều năm trở lại đây. Việc này có nhiều ý nghĩa: (1) Nguồn lực nội bộ, chi phí hoạt động lớn dành cho các dự án này được gỡ bỏ. (2) Nguồn lực được điều chuyển tới các dự án mới, có tỷ suất lợi nhuận tốt của Công ty. (3) Dừng trích lập dự phòng rủi ro đối với các dự án khó khăn trên. Tất cả những yếu tố trên tạo điều kiện để HIPT có thể tạo được kết quả kinh doanh tốt trong các năm tiếp theo.

Trong bối cảnh dịch Covid-19, khi các dịch vụ liên quan tới thương mại thiết bị Công nghệ thông tin gặp nhiều khó khăn, HIPT đã tiếp tục thúc đẩy mạnh hơn hoạt động dịch vụ phần mềm và tiến tới thiết lập nền tảng trong lĩnh vực dịch vụ Chuyển đổi số. Đây hứa hẹn là một lĩnh vực sẽ tăng trưởng nhanh và tạo được doanh thu khả quan cho HIPT trong tương lai.

Gặp nhiều khó khăn trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh. Ban lãnh đạo HIPT đã linh hoạt trong việc sử dụng nguồn vốn của Công ty nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động chung. Nguồn vốn của Công ty được sử dụng hiệu quả, tạo được một số lợi nhuận đáng kể từ hoạt động tài chính.

1.3. Quan hệ đối tác

Hoạt động quan hệ đối tác tiếp tục phát triển. HIPT đã nhận được sự hợp tác chặt chẽ từ các đối tác trong một niên độ đầy khó khăn do dịch bệnh.

HIPT tiếp tục giữ vai trò là một trong những đối tác hàng đầu của nhiều hãng công nghệ lớn trên thế giới tại Việt Nam.

2. Hoạt động quản trị vận hành

2.1. Tổ chức – vận hành

Trong năm 2021-2022, cơ cấu tổ chức của HIPT hầu như không thay đổi.

Tới cuối niên độ 2022, với mục đích tái cơ cấu lại hoạt động của các Công ty con, tạo hiệu quả hoạt động và quản lý chi phí tốt hơn, HIPT đã cơ cấu lại tổ chức của các bộ phận trong công ty với sơ đồ tổ chức mới.

2.2. Nhân sự

Nhân sự của Công ty đảm bảo được tinh tinh gọn với đội ngũ có kỹ thuật và chuyên môn cao. Mọi cá nhân khi trở thành thành viên chính thức của Công ty đều được tham dự các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng, giúp hoàn thành tốt công việc hiện tại và tương lai, đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp của cá nhân và mục tiêu của tổ chức.

Dù gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh, các chương trình đào tạo nội bộ vẫn được triển khai thông qua hình thức trực tuyến. Đồng thời, Công ty tích cực tuyển dụng các nhân sự mới, trẻ và thực hiện đào tạo từ giai đoạn thực tập nhằm đáp ứng một cách tốt nhất yêu cầu hoạt động của Công ty.

2.3. Quản lý tài chính

HIPT tiếp tục đảm bảo nguồn lực tài chính dồi dào, đáp ứng tốt nhu cầu của các dự án Công ty tham gia. Ngoài ra, nguồn tiền của Công ty được sử dụng hiệu quả, không lãng phí chi phí cơ hội, nhằm đưa lại hiệu quả sử dụng vốn tốt nhất.

Trong năm 2021-2022, một số khoản đầu tư được thực hiện nhằm gia tăng tài sản nhưng vẫn đảm bảo an toàn cân đối tài chính.

Quan hệ của HIPT với các tổ chức tín dụng được duy trì. Uy tín và tín nhiệm của HIPT đối với các tổ chức đều ở mức cao.

2.4. Hoạt động thương hiệu, truyền thông

Các hoạt động sự kiện của HIPT bị ảnh hưởng khá lớn trong nửa đầu niên độ 2021-2022. Tới nửa cuối niên độ, các hoạt động bắt đầu được triển khai trở lại với những chương trình quảng bá sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin tại một số địa phương trong nước.

Năm 2021-2022, HIPT tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những công ty công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam. HIPT được bình chọn là Top 10 Doanh nghiệp giải pháp phần mềm và tích hợp hệ thống uy tín nhất Việt Nam bởi VNR, Top 10 Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, giải pháp CNTT bởi Vinasa, Top 10 Doanh nghiệp Cung cấp hạ tầng số, bảo mật, an toàn thông tin bởi Vinasa.

3. Tình hình tài chính

1.1. Phân tích các chỉ tiêu tài chính

| Các hệ số tài chính | Công thức áp dụng | Năm 2021 | Năm 2020 | Biến động | | Ghi chú |
|----------------------------|---------------------------------------|----------|----------|-----------|----------|---------|
| | | | | Giá trị | % | |
| Hệ số thanh toán | | | | | | |
| Hệ số thanh toán hiện hành | $TS\ ngắn\ hạn/Nợ\ ngắn\ hạn$ | 2,08 | 2,42 | (0,34) | (14,07%) | [1] |
| Hệ số thanh toán nhanh | $(TS\ ngắn\ hạn - HTK)/Nợ\ ngắn\ hạn$ | 1,70 | 2,25 | (0,54) | (24,17%) | |
| Hệ số thanh toán bằng tiền | $Tiền/Nợ\ ngắn\ hạn$ | 0,34 | 0,82 | (0,49) | (59,05%) | |

| | | | | | | |
|------------------------------------------|---------------------------------------|------|-------|---------|----------|-----|
| Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động | | | | | | |
| Vòng quay các khoản phải thu | $Doanh\ thu/Phải\ thu\ KH$ | 5,91 | 4,68 | 1,23 | 26,26% | [2] |
| Vòng quay hàng tồn kho | $Giá\ vốn\ hàng\ bán/HTK$ | 4,59 | 18,06 | (13,47) | (74,60%) | |
| Vòng quay vốn lưu động | $Doanh\ thu/(TS\ ngắn\ hạn - Nợ\ NH)$ | 1,80 | 2,28 | (0,48) | (20,99%) | |

| Các hệ số tài chính | Công thức áp dụng | Năm 2021 | Năm 2020 | Biến động | | Ghi chú |
|-------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------|----------|-----------|----------|---------|
| | | | | Giá trị | % | |
| Hệ số khả năng sinh lời | | | | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | $Lãi\ gộp/Doanh\ thu\ thuần$ | 0,11 | 0,03 | 0,08 | 232,05% | [3] |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần | $Lợi\ nhuận\ sau\ thuế/Doanh\ thu\ thuần$ | 0,01 | 0,01 | 0,00 | 22,64% | |
| Doanh thu trên tổng tài sản | $Doanh\ thu\ thuần/Tổng\ tài\ sản$ | 0,77 | 1,26 | (0,49) | (39,01%) | |
| Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) | $(LN\ trước\ thuế + chi\ phí\ lãi\ vay)/tài\ sản$ | 0,01 | 0,03 | (0,03) | (77,38%) | |
| Tỷ suất sinh lời trên vốn CSH (ROE) | $(LN\ trước\ thuế\ cho\ CĐ\ thường/vốn\ CSH\ thường)$ | 0,01 | 0,05 | (0,04) | (76,97%) | |

| | | | | | | |
|--------------------------------|--------------------------|--------|--------|--------|----------|-----|
| Hệ số nợ | | | | | | |
| Nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu | $Nợ\ dài\ hạn/Vốn\ CSH$ | 0,00% | 0,16% | -0,16% | -100,00% | [4] |
| Tổng nợ trên vốn chủ sở hữu | $Nợ\ phải\ trả/Vốn\ CSH$ | 65,68% | 64,31% | 1,37% | 2,14% | |
| Nợ dài hạn trên tổng tài sản | $Nợ\ dài\ hạn/Tổng\ TS$ | 0,00% | 0,10% | -0,10% | -100,00% | |
| Tổng nợ trên tổng tài sản | $Nợ\ phải\ trả/Tổng\ TS$ | 39,64% | 39,14% | 0,51% | 1,29% | |

[1] Các hệ số thành toán cơ bản được ổn định, điều này tạo điều kiện thuận lợi trong các kế hoạch tài chính của công ty.

[2] Các hệ số đo lường hiệu quả hoạt động của công ty năm 2021 so với năm 2020 có biến động lớn. Vòng quay các khoản phải thu giảm điều này thể hiện công ty đã thu hồi công nợ được kịp thời đây là biến động tốt giúp công ty không bị chiếm dụng vốn và có nguồn tài chính cho các hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, vòng quay hàng tồn kho và tài sản năm 2021

so với năm 2020 giảm nhiều nguyên nhân là vì hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng của Covid.

[3] Các hệ số khả năng sinh lời của công ty năm 2021 so với năm 2020 được duy trì ổn định không có nhiều biến động. Nguyên nhân là do doanh thu năm 2021 công ty đã có những điều chỉnh kịp thời để các chi phí thực tế phát sinh đem lại hiệu quả tương ứng với doanh thu có được.

[4] Cơ cấu nợ của công ty có xu hướng giảm các khoản nợ dài hạn và tăng các khoản nợ ngắn hạn. Cơ cấu nợ so với vốn chủ sở hữu cũng tăng lên.

4. Cơ cấu cổ đông

4.1. Cổ phần

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 22.559.030 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 22.559.030 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

4.2. Cơ cấu cổ đông

- Cơ cấu cổ đông:

| | Cá nhân | Tổ chức | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|------------|-----------|----------------------------------------------------------------------|
| Cổ đông nhà nước: Không có cổ đông nhà nước | | | |
| Cổ đông trong nước | | | |
| Số lượng cổ đông | 898 | 9 | Trong đó có các cổ đông lớn là: |
| Số lượng cổ phần sở hữu | 15.155.222 | 7.403.808 | 1. Ông Lê Hải Đoàn, sở hữu 6.255.700 cổ phần, chiếm 27,73%. |
| Tỷ lệ nắm giữ (%) | 67,18% | 32,82% | 2. TNHH VBP sở hữu 3,999,000 cổ phần, chiếm 17,73%. |
| | | | 3. Ông Lê Văn Anh, sở hữu 2.480.188 cổ phần, chiếm 10,99% |
| | | | 4. Tập đoàn Bảo Việt, sở hữu 1.987.031 cổ phần, chiếm 8,81%. |
| | | | 5. TNHH Kế toán và Tư vấn VBP sở hữu 1,141,000 cổ phần, chiếm 5,06%. |
| Cổ đông nước ngoài | | | |

| | | | |
|----------------------------|-------|--------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Số lượng cổ đồng | 3 | 1 | Trong đó có 1 cổ đông là: INCLUSIF VALUE FUND, sở hữu cổ phần, chiếm 0,15%. |
| Số lượng cổ phần sở hữu | 807 | 33.500 | |
| Tỷ lệ nắm giữ (%) | 0,00% | 0,15% | |

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá về kết quả hoạt động năm 2021-2022

1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

- Doanh thu năm 2021-2022 đạt 425,02 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 2,99 tỷ đồng.

- Doanh thu và lợi nhuận năm tài chính 2021-2022 giảm so với năm 2020-2021. Nguyên nhân của việc thay đổi trên là do sự cạnh tranh ngày càng lớn trên thị trường dự án công nghệ thông tin khiến cho tỷ lệ lợi nhuận của Công ty nói riêng và của nhóm các doanh nghiệp công nghệ nói chung bị suy giảm và đồng thời chịu tác động ảnh hưởng của Covid-19 cũng như tình hình kinh tế khó khăn chung. Ngoài ra, Công ty có trích lập dự phòng cho một số dự án có rủi ro.

- Do nhiều vấn đề tồn đọng từ nhiều năm trước để lại và những phát sinh từ đại dịch Covid 19 nên kết quả về lợi nhuận không đạt được theo kế hoạch. Tuy nhiên Công ty đã thực hiện triệt để và nghiêm túc công tác quản trị chi phí, giải quyết nhiều vấn đề tồn đọng nhiều năm trong công ty, góp phần tạo dòng vốn lưu động tốt cho Công ty.

1.2. Hoạt động quản trị doanh nghiệp

Với lịch sử hai mươi bảy năm hình thành và phát triển, HiPT đã gặt hái được những thành công nhất định, khẳng định được vị thế lớn mạnh của mình trên bản đồ CNTT Việt Nam.

Việc ổn định nhân sự cấp cao trong Công ty trong năm vừa qua tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của HiPT. Bên cạnh đó những quyết sách của nhân sự cấp cao nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính hiệu quả, tái cơ cấu mô hình tổ chức cũng đã mang lại hiệu quả kinh doanh và tài chính thiết thực cho HiPT.

IV. TRÍCH LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2021-2022 (tài liệu kèm theo)

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN HIPT**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Hải Đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
HIPT
DN: C=VN, S=HÀ NỘI,
L=Quận Tây Hồ,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN HIPT,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:0100364579
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
location here
Date: 2022.06.09 18:43:
39+07'00'
Foxit Reader Version:
10.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|-----------------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 02 - 03 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 - 05 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 06 - 08 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 09 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 10 - 11 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất | 12 - 37 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

| | | |
|-----------------------|---------------------|---------------------------------------------------------|
| Ông Đặng Hoàng Giang | Chủ tịch | Bổ nhiệm từ ngày 28/06/2021 |
| Ông Phan Như Long | Người đại diện HĐQT | Bổ nhiệm ngày 15/04/2021, Miễn nhiệm ngày 28/06/2021 |
| Ông Lê Hải Đoàn | Thành viên | Miễn nhiệm chức Chủ tịch từ ngày 01/04/2021 |
| Ông Đặng Quang Duy | Thành viên | |
| Ông Vladislav Savkins | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 21/07/2021 |
| Ông Võ Văn Mai | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Duy Nguyễn | Thành viên | |
| Bà Lê Thị Thanh Châu | Thành viên | |

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

| | |
|--------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Xuân | Trưởng ban |
| Bà Lương Thị Hiền | Thành viên |
| Ông Phan Như Long | Thành viên |

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

| | | |
|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| Ông Lê Hải Đoàn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/04/2021 |
| Ông Trương Phúc Giang | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/04/2021 |
| Ông Nguyễn Trần Thành | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Trần Thanh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/04/2021 |
| Ông Hoàng Thanh Phúc | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Phạm Nguyễn Cao Đăng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17/05/2021 |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hải Đoàn - Tổng Giám đốc Công ty.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/03/2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc



Lê Hải Đoàn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT, được lập ngày 12/05/2022, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 31/03/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Không phù nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi chỉ lưu ý tới người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất này rằng, như trình bày tại thuyết minh VII.3, số liệu so sánh tại ngày 01/04/2021 trên Báo cáo tài chính đã được Công ty điều chỉnh lại do phát hiện sai sót kế toán cần được điều chỉnh.



Vũ Thế Hùng

Tổng Giám đốc

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1604-2018-047-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

Phạm Thị Khánh Hòa

Kiểm toán viên

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3399-2020-047-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN/HN

| TÀI SẢN | Mã số | TM | 31/03/2022 | 01/04/2021 |
|---------------------------------------------------------------|------------|------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150) | 100 | | 453.607.056.526 | 479.066.532.199 |
| I- Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 73.662.069.493 | 163.242.909.723 |
| 1. Tiền | 111 | | 38.662.069.493 | 14.574.062.448 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 35.000.000.000 | 148.668.847.275 |
| II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 77.760.701.602 | 10.125.410.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 69.311.477.193 | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | (6.925.679.521) | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 15.374.903.930 | 10.125.410.000 |
| III- Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 142.599.390.553 | 198.347.431.047 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3a | 71.765.557.051 | 136.910.872.073 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.13b | 10.382.310.177 | 22.277.879.751 |
| 3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | V.6 | 34.079.244.428 | 34.079.244.428 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 30.970.938.449 | 10.562.061.681 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (4.598.659.552) | (5.482.626.886) |
| IV- Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 81.895.053.166 | 34.243.995.518 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 104.313.089.717 | 56.662.032.069 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (22.418.036.551) | (22.418.036.551) |
| V- Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 77.689.841.712 | 73.106.785.911 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.11 | 1.149.281.668 | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 3.121.373.186 | 306.303.288 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.14b | 1.419.186.858 | 800.482.623 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | V.12 | 72.000.000.000 | 72.000.000.000 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260) | 200 | | 99.133.087.165 | 28.200.185.775 |
| I- Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 56.250.000 | 56.250.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 56.250.000 | 56.250.000 |
| II- Tài sản cố định | 220 | | 84.618.104 | 273.947.420 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 84.618.104 | 273.947.420 |
| - Nguyên giá | 222 | | 10.750.066.738 | 18.688.262.380 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (10.665.448.634) | (18.414.314.960) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 189.800.000 | 2.970.972.284 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (189.800.000) | (2.970.972.284) |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN/HN

| TÀI SẢN | Mã số | TM | 31/03/2022 | 01/04/2021 |
|---------------------------------------------|--------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| III- Bất động sản đầu tư | 230 | V.10 | 15.680.620.000 | 15.680.620.000 |
| 1. Nguyên giá | 231 | | 15.680.620.000 | 15.680.620.000 |
| IV- Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V- Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 80.618.419.735 | 11.680.325.931 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2c | 69.932.632.071 | 1.115.484.001 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2d | 16.862.464.944 | 16.862.464.944 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2d | (6.176.677.280) | (6.297.623.014) |
| VI- Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.693.179.326 | 509.042.424 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.11 | 424.900.982 | 509.042.424 |
| 2. Lợi thế thương mại | 269 | | 2.268.278.344 | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 552.740.143.691 | 507.266.717.974 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN/HN

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | 31/03/2022 | 01/04/2021 |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) | 300 | | 218.574.413.293 | 198.540.825.718 |
| I- Nợ ngắn hạn | 310 | | 218.074.413.293 | 198.040.825.718 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13a | 66.661.433.992 | 73.093.819.165 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.3b | 40.432.534.190 | 20.566.249.386 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14a | 89.844.849 | 4.009.002.973 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 10.865.722.565 | 9.071.244.823 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 769.772.772 | 882.524.000 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.16 | 5.984.189.886 | 789.682.500 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 82.070.915.039 | 78.428.302.871 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.18 | 11.200.000.000 | 11.200.000.000 |
| II- Nợ dài hạn | 330 | | 500.000.000 | 500.000.000 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.17b | 500.000.000 | 500.000.000 |
| B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430) | 400 | | 334.165.730.398 | 308.725.892.256 |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 334.165.730.398 | 308.725.892.256 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 225.590.300.000 | 225.590.300.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 225.590.300.000 | 225.590.300.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 97.570.067.828 | 116.974.517.100 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | (38.762.556.372) |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 7.281.269.139 | 4.923.631.528 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 4.281.800.360 | 222.452.166 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 2.999.468.779 | 4.701.179.362 |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 3.724.093.431 | - |
| II- Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 552.740.143.691 | 507.266.717.974 |

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Phương Thảo

Trần Thị Phương Thảo

Lê Hải Đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPTSố 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê,
quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

MẪU SỐ B 02-DN/HN

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------|-----------------------|-------------------------|
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 425.015.097.903 | 640.492.735.082 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 124.128.436 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | | 425.015.097.903 | 640.368.606.646 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 377.255.254.514 | 618.473.308.825 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 47.759.843.389 | 21.895.297.821 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 21.759.939.517 | 9.027.057.809 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 9.261.599.854 | 2.312.239.437 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | 160.704.813 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | 12.121.190 | 11.776.572 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.7a | 38.832.797.725 | 50.195.503.438 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7b | 21.521.767.248 | 17.614.283.542 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)} | 30 | | (84.260.731) | (39.187.894.215) |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.5 | 3.246.548.057 | 55.799.322.011 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.6 | 162.818.547 | 419.058.110 |
| 14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | 3.083.729.510 | 55.380.263.901 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40) | 50 | | 2.999.468.779 | 16.192.369.686 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.8 | - | 11.491.190.324 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | 2.999.468.779 | 4.701.179.362 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 61 | | 2.999.468.779 | 4.701.179.362 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | 144 | 228 |

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Thảo

Tổng Giám đốc

hipt
SINCE 1994
Lê Hải Đoàn
100364579

G
I
E
M
T
H
I
P
T
N
G

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

MẪU SỐ B 03-DN/HN

| CHỈ TIÊU | Mã số TM | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------|------------------|
| | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 2.999.468.779 | 16.192.369.686 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 79.810.348 | 789.113.657 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 5.623.610.528 | 33.353.517.563 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (22.814.973) | (235.317.098) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (4.033.959.721) | (57.900.711.613) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | - | 160.704.813 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 4.646.114.961 | (7.640.322.992) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 52.417.879.624 | (16.527.679.280) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (47.651.057.648) | 11.023.310.547 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 21.001.092.324 | 5.064.507.014 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (1.065.140.226) | 175.842.054 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | (69.311.477.193) | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | - | (160.704.813) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (818.125.649) | (12.996.167.963) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (480.942.373) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (41.261.656.180) | (21.061.215.433) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (86.301.636) | (33.981.500) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 250.000.000 | 67.243.764.906 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (5.249.493.930) | (10.001.750.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 70.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (68.805.026.880) | - |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 6.417.807.855 | 7.838.250.293 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (67.473.014.591) | 65.116.283.699 |

//
 /C//
 NH
 TỌ
 GIÁ
 //

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

MẪU SỐ B 03-DN/HN

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------------------------------------|-----------|------------|-------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 19.358.107.100 | - |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | 29.568.974.253 |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | (29.568.974.253) |
| 4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (149.379.100) | (24.743.024.399) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 19.208.728.000 | (24.743.024.399) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | (89.525.942.771) | 19.312.043.867 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | V.1 | 163.242.909.723 | 144.090.969.239 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (54.897.459) | 748.458 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | V.1 | 73.662.069.493 | 163.242.909.723 |

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Thảo

Tổng Giám đốc

HIPT
SINCE 1994
00364579

Lê Hải Đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT, tên viết tắt là HIPT GROUP., JSC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100364579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 12/04/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 12/04/2021 là 225.590.300.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm chín mươi triệu, ba trăm nghìn đồng./.*) chia thành 22.559.030 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 24/06/2009 Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCOM với mã chứng khoán HIG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2022 là 121 người (tại ngày 01/04/2021 là 155 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

| Chi nhánh | Địa chỉ | | |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (TP Hà Nội) | 05 Nguyễn Gia Thiều, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM | | |
| Tên công ty con | Địa chỉ | Tỷ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp thực tế |
| Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software) | Hà Nội, Việt Nam | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực Chân trời mới Hà Nội (1) | Hà Nội, Việt Nam | 78% | 78% |
| Công ty Cổ phần HIPT | Hà Nội, Việt Nam | 64% | 76,19% |

(1) Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

010
TRÁI
-IAI
-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin về Công ty liên kết:

| Tên công ty liên kết | Địa chỉ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp thực tế |
|-------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội (2) | Hà Nội, Việt Nam | 25% | 71,43% |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam | Hà Nội, Việt Nam | 35% | 98,04% |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng | Hà Tĩnh, Việt Nam | 25% | 25% |
| Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Trung Ương 6 | Hà Nội, Việt Nam | 36% | 36% |
| Công Ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng công trình văn hóa đô thị | Hà Nội, Việt Nam | 30% | 30% |

(2) Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

| Tên công ty liên doanh | Địa chỉ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp thực tế |
|-------------------------|------------------|------------------------|-----------------------|
| Thời báo Doanh nhân (3) | Hà Nội, Việt Nam | 50% | 64,27% |

(3) Công ty đang trong giai đoạn tạm ngừng kinh doanh có thời hạn.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập tuân theo quy định của hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam gồm có:

- Chuẩn mực kế toán số 07: Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết;
- Chuẩn mực kế toán số 08: Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh;
- Chuẩn mực kế toán số 10: Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- Chuẩn mực kế toán số 11: Hợp nhất kinh doanh;
- Chuẩn mực kế toán số 21: Trình bày báo cáo tài chính;
- Chuẩn mực kế toán số 24: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Chuẩn mực kế toán số 25: Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

(Ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ giữa các đơn vị trong cùng Công ty được loại trừ.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Năm tài chính

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm sau.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND), do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, để dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc hàng tồn kho. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

| | <u>Năm sử dụng ước tính</u> |
|------------------------------------------|-----------------------------|
| Máy móc, thiết bị | 05 - 10 |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 05 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 |

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá theo thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của Bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản đầu tư góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Góp vốn liên doanh

Công ty liên doanh: Là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của Công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư tài chính được trình bày trong theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi các khoản dự phòng tổn thất đầu tư (nếu có). Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các công cụ dụng cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn sử dụng trên một năm. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại cổ phiếu do công ty phát hành. Khi lập báo cáo tài chính, giá trị thực tế của cổ phiếu quỹ được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thanh lý nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán từ tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán.

0139
CÔP
TCH NH
NG H
VÀ E
A
ĐÓT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính sẽ được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin tại một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết, Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/03/2022 | 01/04/2021 |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.796.667.502 | 30.460.821 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 36.865.401.991 | 14.543.601.627 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 35.000.000.000 | 148.668.847.275 |
| Cộng | 73.662.069.493 | 163.242.909.723 |

(*) Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 01 tháng kể từ thời điểm gửi tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPTSố 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê,
quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/03/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Chứng khoán kinh doanh**

| | 31/03/2022 | | 01/04/2021 | |
|---------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Cổ phiếu | | | | |
| CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - NT2 | 15.751.451.212 | - | - | - |
| Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex - PGI | 12.946.199.530 | (895.199.530) | - | - |
| CTCP Công nghệ Sao Bắc Đầu - SBD | 7.558.120.000 | (2.051.020.000) | - | - |
| CTCP Xây dựng Số 1 - VC1 | 13.050.212.606 | (1.550.212.606) | - | - |
| Các cổ phiếu khác | 20.005.493.845 | (4.480.267.385) | - | - |
| Cộng | 69.311.477.193 | (6.925.679.521) | - | - |

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/03/2022 | | 01/04/2021 | |
|------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 15.374.903.930 | 15.374.903.930 | 10.125.410.000 | 10.125.410.000 |

(*) Trong đó:

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng (quay vòng kỳ hạn) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (BIDV) có tổng giá trị tại ngày 31/03/2022 là 10.000.000.000 VND đang được sử dụng làm tài sản cầm cố cho hợp đồng tín dụng số 01/2019/495/HĐTDHM ngày 17/12/2019 theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2020/495/HĐBĐ ngày 03/04/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô.

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng (quay vòng kỳ hạn) tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm- PDG Hồ Gươm có tổng giá trị tại ngày 31/03/2022 là 5.286.243.930 VND đang được sử dụng làm tài sản cầm cố cho hợp đồng tín dụng số 04032022/HDTD/HGM/1528888801 theo hợp đồng cầm cố tài sản số 03/2022/HĐBĐ/HGM ngày 04/03/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm- PDG Hồ Gươm.

- Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Liên Việt Post Bank có kì hạn 1 năm số tiền 88.660.000 VND, lãi suất 6,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

c) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

| | 31/03/2022 | | 01/04/2021 | |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Giá gốc | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu |
| Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội | 2.500.000.000 | - | 2.500.000.000 | - |
| Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam | 2.500.000.000 | - | 2.500.000.000 | - |
| Công ty CP Công nghệ Thông tin Lam Hồng | 800.000.000 | 1.127.605.191 | 800.000.000 | 1.115.484.001 |
| Thời báo Doanh nhân | 2.000.000.000 | - | 2.000.000.000 | - |
| Công ty CP XNK Nông sản Trung Ương 6 | 52.905.026.880 | 52.905.026.880 | - | - |
| Công ty CP Đầu tư-Xây dựng công trình văn hóa và đô thị | 15.900.000.000 | 15.900.000.000 | - | - |
| Cộng | 76.605.026.880 | 69.932.632.071 | 7.800.000.000 | 1.115.484.001 |

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/03/2022 | | 01/04/2021 | |
|------------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty CP Dịch vụ nền di động Việt Nam | 7.764.044.944 | (6.176.677.280) | 7.764.044.944 | (6.297.623.014) |
| Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng Không | 9.098.420.000 | - | 9.098.420.000 | - |
| Cộng | 16.862.464.944 | (6.176.677.280) | 16.862.464.944 | (6.297.623.014) |

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá giao dịch trên thị trường.

3. Công nợ với khách hàng

| | 31/03/2022 | 01/04/2021 |
|------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|
| | VND | VND |
| a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn | | |
| - Khách hàng là bên liên quan | - | 740.774.085 |
| Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội (Công ty liên kết) | - | 663.440.565 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng Không Việt Nam (Công ty liên kết) | - | 77.333.520 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

| | 31/03/2022 | 01/04/2021 |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| - Khách hàng không phải là bên liên quan | 71.765.557.051 | 136.170.097.988 |
| Nguyễn Thị Mậu | 4.100.000.000 | |
| Bộ tư lệnh 86/BQP | 3.230.423.910 | 3.910.000.000 |
| Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn | 11.305.228.000 | 4.123.801.000 |
| Công ty TNHH BV ĐKTN An sinh -Phúc Trường Minh | 3.783.795.192 | 10.169.614.245 |
| Công ty TNHH MTV TM Công nghệ Hùng Phương | 2.001.468.800 | 2.001.468.800 |
| Công ty CP Viễn thông di động Vietnamobile | 242.562.500 | 8.044.246.000 |
| Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) | - | 17.810.410.000 |
| Cục công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | - | 4.497.038.333 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) | 3.796.522.400 | 49.576.200.000 |
| Sở thông tin truyền thông Trà Vinh | 4.737.608.731 | - |
| Công ty CP Tập đoàn Công nghệ Thăng Long | 7.519.105.446 | |
| Các khách hàng khác | 31.048.842.072 | 36.037.319.610 |
| Cộng | 71.765.557.051 | 136.910.872.073 |
| b) Khách hàng trả trước ngắn hạn | | |
| - Khách hàng không phải là bên liên quan | 40.432.534.190 | 20.566.249.386 |
| Ngân hàng Chính sách Xã hội | 987.061.666 | 2.058.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK) | 6.727.192.580 | - |
| Tổng Cty Hóa dầu Petrolimex-CTCP (PLC) | 4.352.700.000 | - |
| Công ty TNHH Katalon | 3.532.208.700 | - |
| Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn | 4.885.799.520 | - |
| Công ty CP Giải pháp thanh toán Việt Nam (VNPAY) | 990.967.164 | 3.715.247.400 |
| Trường Đại học Bách khoa | - | 3.593.748.672 |
| Các khách hàng khác | 18.956.604.560 | 11.199.253.314 |
| Cộng | 40.432.534.190 | 20.566.249.386 |

4. Các khoản phải thu khác

| | 31/03/2022 | 01/04/2021 |
|--------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 30.970.938.449 | 10.562.061.681 |
| Phải thu khác là bên liên quan | 15.802.200.000 | 2.200.000 |
| Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT - Đồng sáng lập | 2.200.000 | 2.200.000 |
| Ông Lê Hải Đoàn - Tổng Giám đốc | 15.800.000.000 | - |
| Phải thu không phải là bên liên quan | 15.168.738.449 | 10.559.861.681 |
| Tạm ứng | 7.789.306.832 | 1.773.277.897 |
| Phạm Việt Giang | 4.045.633.000 | 4.045.633.000 |
| Ký cược, ký quỹ | 1.499.591.450 | 3.275.863.461 |
| Cổ tức phải thu | - | - |
| Liên doanh HIPT-ZODIAC-ONENET | 556.306.038 | 556.306.038 |
| Phải thu khác | 1.277.901.129 | 908.781.285 |
| b) Dài hạn | 56.250.000 | 56.250.000 |
| Ký cược, ký quỹ | 56.250.000 | 56.250.000 |
| Cộng | 31.027.188.449 | 10.618.311.681 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 31/03/2022 | | 01/04/2021 | |
|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi | 4.598.659.552 | (4.598.659.552) | 5.543.365.306 | (5.482.626.886) |
| Nợ phải thu khách hàng quá hạn | 525.144.840 | (525.144.840) | 1.497.732.306 | (1.436.993.886) |
| Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội - Bên liên quan (Công ty liên kết) | - | - | 663.440.566 | (663.440.566) |
| Công ty CP dịch vụ kỹ nghệ Hàng không Việt - Bên liên quan (Công ty liên kết) | - | - | 77.333.520 | (77.333.520) |
| Thanh tra TP Hồ Chí Minh | - | - | 3.658.380 | (3.658.380) |
| VP UBND Quận Bình Thạnh | - | - | 25.693.600 | (25.693.600) |
| Công ty TNHH Thu Phí Tự Động VETC | 525.144.840 | (525.144.840) | 525.144.840 | (525.144.840) |
| TT công nghệ Phần Mềm và GIS | - | - | 202.461.400 | (141.722.980) |
| Các khoản phải thu khác quá hạn | 4.073.514.712 | (4.073.514.712) | 4.045.633.000 | (4.045.633.000) |
| Phạm Việt Giang | 4.045.633.000 | (4.045.633.000) | 4.045.633.000 | (4.045.633.000) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group | 27.881.712 | (27.881.712) | - | - |

6. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng dịch vụ

| | 31/03/2022 | 01/04/2021 |
|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 34.079.244.428 | 34.079.244.428 |
| Cộng | 34.079.244.428 | 34.079.244.428 |

7. Hàng tồn kho

| | 31/03/2022 | | 01/04/2021 | |
|-------------------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 94.038.478.940 | (22.418.036.551) | 41.790.329.036 | (22.418.036.551) |
| Hàng hóa | 10.274.610.777 | - | 14.871.703.033 | - |
| Cộng | 104.313.089.717 | (22.418.036.551) | 56.662.032.069 | (22.418.036.551) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng |
|-------------------------------|----------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Số dư tại 01/04/2021 | 160.000.000 | 848.270.909 | 17.679.991.471 | 18.688.262.380 |
| Tăng trong kỳ | 54.038.000 | - | 32.263.636 | 86.301.636 |
| Mua trong kỳ | 54.038.000 | - | 32.263.636 | 86.301.636 |
| Giảm trong kỳ | 160.000.000 | 848.270.909 | 7.016.226.369 | 8.024.497.278 |
| Thanh lý, nhượng bán | 160.000.000 | 848.270.909 | 7.016.226.369 | 8.024.497.278 |
| Số dư tại 31/03/2022 | 54.038.000 | - | 10.696.028.738 | 10.750.066.738 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Số dư tại 01/04/2021 | 160.000.000 | 599.433.375 | 17.654.881.585 | 18.414.314.960 |
| Tăng trong kỳ | 8.376.859 | 53.016.930 | 18.416.559 | 79.810.348 |
| Khấu hao trong kỳ | 8.376.859 | 53.016.930 | 18.416.559 | 79.810.348 |
| Giảm trong kỳ | 160.000.000 | 652.450.305 | 7.016.226.369 | 7.828.676.674 |
| Thanh lý, nhượng bán | 160.000.000 | 652.450.305 | 7.016.226.369 | 7.828.676.674 |
| Số dư tại 31/03/2022 | 8.376.859 | - | 10.657.071.775 | 10.665.448.634 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại 01/04/2021 | - | 248.837.534 | 25.109.886 | 273.947.420 |
| Tại 31/03/2022 | 45.661.141 | - | 38.956.963 | 84.618.104 |

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/03/2022 là 10.629.783.603 VND, tại ngày 01/04/2021 là: 17.610.994.332 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Tài sản cố định vô hình

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-------------------------------|-------------------------|--------------------|
| | Phân mềm máy vi tính | Tổng |
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Số dư tại 01/04/2021 | 2.970.972.284 | 2.970.972.284 |
| Tăng trong kỳ | - | - |
| Giảm trong kỳ | 2.781.172.284 | 2.781.172.284 |
| Thanh lý, nhượng bán | 2.781.172.284 | 2.781.172.284 |
| Số dư tại 31/03/2022 | <u>189.800.000</u> | <u>189.800.000</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Số dư tại 01/04/2021 | 2.970.972.284 | 2.970.972.284 |
| Tăng trong kỳ | - | - |
| Giảm trong kỳ | 2.781.172.284 | 2.781.172.284 |
| Thanh lý, nhượng bán | 2.781.172.284 | 2.781.172.284 |
| Số dư tại 31/03/2022 | <u>189.800.000</u> | <u>189.800.000</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại 01/04/2021 | - | - |
| Tại 31/03/2022 | <u>-</u> | <u>-</u> |

10. Bất động sản đầu tư

| Khoản mục | Số đầu năm | Tăng trong năm | | Số cuối cuối |
|-------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | | Tăng trong năm | Giảm trong năm | |
| Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá | | | | |
| Nguyên giá | 15.680.620.000 | - | - | 15.680.620.000 |
| Quyền sử dụng đất | 15.680.620.000 | - | - | 15.680.620.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | - | - | - | - |
| Giá trị còn lại | 15.680.620.000 | - | - | 15.680.620.000 |
| Quyền sử dụng đất | 15.680.620.000 | - | - | 15.680.620.000 |

11. Chi phí trả trước

| | 31/03/2022 | 01/04/2021 |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | <u>1.149.281.668</u> | - |
| Chi phí thuê văn phòng | 1.109.566.667 | - |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 39.715.001 | - |
| b) Dài hạn | <u>424.900.982</u> | <u>509.042.424</u> |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 424.900.982 | 392.608.441 |
| Phần mềm | - | 54.511.804 |
| Chi phí sửa chữa văn phòng | - | 61.922.179 |
| Cộng | <u>1.574.182.650</u> | <u>509.042.424</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt.

Tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, ngày 17/01/2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11/12/2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tuy nhiên, đến ngày 31/03/2022, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty vẫn ghi nhận giá gốc khoản đầu tư vào mục “Tài sản ngắn hạn khác” với số tiền 72.000.000.000 VND và ghi nhận tương ứng số tiền đã nhận được từ bên thứ ba vào khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác” được trình bày tại Thuyết minh V.17.

13. Công nợ với nhà cung cấp

| | 31/03/2022 VND | 01/04/2021 VND |
|------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | | |
| - Nhà cung cấp không phải là bên liên quan | | |
| BTG Asia Co., Limited (tương đương 344.734,11 USD) | 66.661.433.992 | 73.093.819.165 |
| Golden Hawk Information Technology Limited (tương đương 44.523,11 USD) | 7.921.886.208 | 4.205.902.780 |
| M-Security Technology Indochina PTE.LTD (tương đương 271.472,88 USD) | 1.023.141.068 | 18.070.063.326 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Quốc gia ADG | 6.238.446.782 | 58.780.647 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật HDL | 7.103.974.075 | 274.783.350 |
| Chi nhánh công ty CP Công nghệ Mạng và Truyền thông (INFORNET) | - | 2.763.803.064 |
| Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Tân Thành An | 4.520.670.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Công nghệ Việt | 1.164.848.132 | 1.164.848.132 |
| Công ty TNHH Công nghệ VETAMI | - | 5.107.843.663 |
| Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC | - | 8.042.309.550 |
| Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không (AITS) | - | 5.040.000.000 |
| Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Đông Á | 7.229.913.540 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 5.045.000.000 | - |
| Cộng | <u>26.413.554.187</u> | <u>28.365.484.653</u> |
| b) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn | | |
| - Nhà cung cấp không phải là bên liên quan | | |
| Công ty TNHH Công nghệ Đông Ngân | 10.382.310.177 | 22.277.879.751 |
| Công ty TNHH Đầu tư Bắc Vương | - | 3.414.062.000 |
| Công ty CP TM và DV kỹ thuật SVC | 2.563.099.000 | 9.886.239.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 2.242.836.780 | - |
| Cộng | <u>5.576.374.397</u> | <u>8.977.578.751</u> |
| | <u>66.661.433.992</u> | <u>73.093.819.165</u> |
| | <u>10.382.310.177</u> | <u>22.277.879.751</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. Các khoản phải trả khác

| | 31/03/2022 | 01/04/2021 |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| <i>Phải trả khác không phải là bên liên quan</i> | 82.070.915.039 | 78.428.302.871 |
| Tạm ứng mua cổ phần Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 72.000.000.000 | 72.000.000.000 |
| Kinh phí công đoàn | 162.344.052 | 456.174.698 |
| Bảo hiểm xã hội | 47.677.900 | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 1.616.200 | - |
| Khoản phải nộp liên quan đến việc hủy bỏ đề án 112 - Ban điều hành Đề án 112 Chính Phủ | 2.656.280.900 | 2.656.280.900 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 304.904.075 | 454.283.175 |
| Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn công nghệ HIPT | 4.304.073.727 | |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 2.594.018.185 | 2.861.564.098 |
| Cộng | 82.070.915.039 | 78.428.302.871 |
| b) Dài hạn | | |
| Các cá nhân ủy thác đầu tư dài hạn | 500.000.000 | 500.000.000 |
| Cộng | 500.000.000 | 500.000.000 |

18. Dự phòng phải trả

| | 31/03/2022 | 01/04/2021 |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Trích lập dự phòng phải trả | 11.200.000.000 | 11.200.000.000 |
| Cộng | 11.200.000.000 | 11.200.000.000 |

Là khoản dự phòng phải trả chi phí bản quyền Oracle với trị giá ước tính 9.600.000.000 đồng và khoản chi phí nhân sự dự kiến còn phát sinh thêm tới khi kết thúc Hợp đồng 10-10/2014/HĐPM ký với Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

10/03/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152, Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Vốn khác của chủ sở hữu | LNST chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|----------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|-------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------|
| Số dư tại 01/04/2020 | 225.590.300.000 | 116.974.517.100 | (38.762.556.372) | 19.628.990.984 | 5.336.485.581 | - | 328.767.737.293 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 4.701.179.362 | - | 4.701.179.362 |
| Chuyển Quỹ đầu từ phát triển về Lợi nhuận chưa phân phối | - | - | - | (19.628.990.984) | 19.628.990.984 | - | - |
| Tạm ứng cổ tức | - | - | - | - | (24.743.024.399) | - | (24.743.024.399) |
| Số dư tại 31/03/2021 | 225.590.300.000 | 116.974.517.100 | (38.762.556.372) | - | 4.923.631.528 | - | 308.725.892.256 |
| Tăng khác | - | - | - | - | - | 3.724.093.431 | 3.724.093.431 |
| Bán cổ phiếu quỹ (*) | - | - | 38.762.556.372 | - | - | - | 38.762.556.372 |
| Lãi trong kỳ này | - | - | - | - | 2.999.468.779 | - | 2.999.468.779 |
| Giảm khác | - | - | - | - | (641.831.168) | - | (641.831.168) |
| Lỗ từ bán cổ phiếu quỹ | - | (19.404.449.272) | - | - | - | - | (19.404.449.272) |
| Số dư tại 31/03/2022 | 225.590.300.000 | 97.570.067.828 | - | - | 7.281.269.139 | 3.724.093.431 | 334.165.730.398 |

Đơn vị tính: VND

(*) Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 02-21/NQ/ĐHĐCĐ/HIPT ngày 25/09/2021 về việc phê duyệt bán 1.939.843 cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|-----------------|------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu kỳ | 225.590.300.000 | 225.590.300.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| Vốn góp cuối kỳ | 225.590.300.000 | 225.590.300.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | 24.743.024.399 |

c) Cổ phiếu

| | 31/03/2022 Cổ phiếu | 01/04/2021 Cổ phiếu |
|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 22.559.030 | 22.559.030 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 22.559.030 | 22.559.030 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 22.559.030 | 22.559.030 |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | 1.939.843 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | 1.939.843 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 22.559.030 | 20.619.187 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 22.559.030 | 20.619.187 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| | 31/03/2022 | 01/04/2021 |
|--------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| a) Ngoại tệ các loại | | |
| - USD | 121.931,25 | 14.211,97 |
| - EUR | 4.438,77 | 2.747,79 |
| b) Nợ khó đòi đã xử lý | 23.529.523.707 | 22.759.397.641 |
| Phải thu Công ty Cho thuê tài chính BIDV | 221.726.000 | 221.726.000 |
| Phải thu ông Trần Phúc Toàn | 148.500.000 | 148.500.000 |
| Phải thu Văn phòng Nokia Hà Nội | 87.708.660 | 87.708.660 |
| Công ty TNHH HIPT Mobile | 20.991.178.683 | 20.991.178.683 |
| Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội | 663.440.566 | - |
| Công ty CP dịch vụ kỹ nghệ Hàng không Việt | 77.333.520 | - |
| Thanh tra TP Hồ Chí Minh | 3.658.380 | - |
| VP UBND quận Bình Thạnh | 25.693.600 | - |
| Các khoản phải thu khách hàng khác | 1.310.284.298 | 1.310.284.298 |

1/5/2022/9/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu từ bán hàng hóa | 258.143.063.638 | 417.002.912.291 |
| Doanh thu từ dịch vụ, phần mềm, chương trình | 165.870.170.143 | 222.567.486.346 |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 1.001.864.122 | 922.336.445 |
| Cộng | 425.015.097.903 | 640.492.735.082 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 370.909.241.019 | 386.681.650.753 |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 6.346.013.495 | 209.373.621.521 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | 22.418.036.551 |
| Cộng | 377.255.254.514 | 618.473.308.825 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 3.375.915.394 | 7.213.475.215 |
| Lãi từ bán chứng khoán | 14.403.987.770 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.041.892.461 | 624.775.078 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 904.751.932 | 953.490.418 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ | 22.814.973 | 235.317.098 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 10.576.987 | - |
| Cộng | 21.759.939.517 | 9.027.057.809 |

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay | - | 160.704.813 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 188.534.964 | 49.044.970 |
| Lỗ thanh lý khoản đầu tư | 2.232.997.134 | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư | 6.804.733.787 | 172.207.924 |
| Chi phí tài chính khác | 35.333.969 | 1.930.281.730 |
| Cộng | 9.261.599.854 | 2.312.239.437 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Thu nhập khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 54.179.396 | 51.980.839.815 |
| Lãi thanh lý CCDC | 3.290.000 | - |
| Các khoản được thưởng, được bồi thường | 2.942.738.874 | 2.879.704.464 |
| Các khoản khác | 246.339.787 | 938.777.732 |
| Cộng | 3.246.548.057 | 55.799.322.011 |

6. Chi phí khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền phạt vi phạm hành chính | 15.166.901 | 3.627.621 |
| Các khoản phạt vi phạm hợp đồng | 11.379.200 | 415.361.149 |
| Các khoản khác | 136.272.446 | 69.340 |
| Cộng | 162.818.547 | 419.058.110 |

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>a) Các khoản chi phí bán hàng</i> | | |
| Chi phí nhân viên bán hàng | 33.282.542.963 | 36.530.329.409 |
| Chi phí bảo hành | 121.468.740 | |
| Chi phí khấu hao, công cụ dụng cụ | 358.076.482 | 15.512.486 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.164.230.054 | 4.078.661.615 |
| Các khoản chi phí bán hàng khác | 1.906.479.486 | 9.570.999.928 |
| Cộng | 38.832.797.725 | 50.195.503.438 |
| <i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i> | | |
| Chi phí nhân viên quản lý | 11.402.167.897 | 8.729.203.637 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (1.181.123.259) | 666.867.820 |
| Chi phí khấu hao, công cụ dụng cụ | 187.104.044 | 773.601.171 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.491.053.124 | 5.207.916.164 |
| Các khoản chi phí QLDN khác | 1.622.565.442 | 2.236.694.750 |
| Cộng | 21.521.767.248 | 17.614.283.542 |

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành | - | 11.491.190.324 |
| Các khoản điều chỉnh thuế TNDN | - | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 11.491.190.324 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.999.468.779 | 4.701.179.362 |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | 2.999.468.779 | 4.701.179.362 |
| <i>Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i> | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 20.778.649 | 20.619.187 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 144 | 228 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch |
|-------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------|-------------------|
| | | | VND |
| Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội (3D-Brigade) | Công ty liên kết | Nợ khó đòi đã xử lý | 663.440.566 |
| Công ty CP dịch vụ kỹ nghệ Hàng không Việt | Công ty liên kết | Nợ khó đòi đã xử lý | 77.333.520 |
| Ông Lê Hải Đoàn | Tổng Giám đốc | Tạm ứng | 38.000.000.000 |
| Ông Lê Hải Đoàn | Tổng Giám đốc | Hoàn ứng | 37.959.955.058 |
| Ông Trương Phúc Giang | Phó Tổng giám đốc | Tạm ứng | 30.000.000 |
| Ông Trương Phúc Giang | Phó Tổng giám đốc | Hoàn ứng | 30.000.000 |
| Ông Phạm Việt Giang | Tổng giám đốc (cũ) | Tạm ứng | 4.045.633.000 |
| Ông Lê Hải Đoàn | Tổng Giám đốc | Thu nhập trong năm và thưởng do đầu tư chứng khoán | 5.228.182.523 |
| Ông Nguyễn Trần Thành | Phó Tổng giám đốc | Thu nhập trong năm | 832.040.000 |
| Ông Trương Phúc Giang | Phó Tổng giám đốc | Thu nhập trong năm | 1.783.040.000 |
| Ông Trần Thanh Tuấn | Phó Tổng giám đốc | Thu nhập trong năm | 2.120.440.000 |
| Ông Đặng Quang Duy | Thành viên HĐQT | Thù lao HĐQT | 16.727.273 |
| Ông Vladislav Savkins | Thành viên HĐQT | Thù lao HĐQT | 27.909.091 |
| Ông Võ Văn Mai | Thành viên HĐQT | Thu nhập trong năm và Thù lao HĐQT | 24.000.000 |

10/ 528 - 101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch |
|-------------------------|-----------------|-----------------------|-------------------|
| | | | VND |
| Ông Nguyễn Duy Nguyên | Thành viên HĐQT | Thù lao HĐQT | 16.727.273 |
| Ông Đặng Hoàng Giang | Thành viên HĐQT | Thù lao HĐQT | 36.000.000 |
| Bà Lê Thị Thanh Châu | Thành viên HĐQT | Thù lao HĐQT | 42.636.364 |
| Bà Nguyễn Thị Xuân | Ban Kiểm soát | Thù lao Ban kiểm soát | 51.000.000 |
| Bà Lương Thị Hiền | Ban Kiểm soát | Thù lao Ban kiểm soát | 16.727.273 |
| Ông Phan Như Long | Ban Kiểm soát | Thù lao Ban kiểm soát | 47.909.091 |
| Bà Nguyễn Thị Bích Thủy | Ban Kiểm soát | Thù lao Ban kiểm soát | 6.454.545 |

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 31/03/2022, Công ty có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung | Số dư |
|-------------------|---------------|-----------------------|---------------|
| | | | VND |
| Ban Giám đốc | Ban Giám đốc | Thu nhập còn phải trả | 4.676.259.493 |
| Hội đồng quản trị | HĐQT | Thu nhập còn phải trả | 14.000.000 |
| Ban Kiểm soát | Ban Kiểm soát | Thu nhập còn phải trả | 4.000.000 |

Chi tiết

| | | | |
|-----------------------|--------------------|-------------------------------------------------|---------------|
| Ông Lê Hải Đoàn | Tổng Giám đốc | Số dư khoản tạm ứng | 40.044.942 |
| Ông Phạm Việt Giang | Tổng giám đốc (cũ) | Số dư khoản tạm ứng | 4.045.633.000 |
| Ông Lê Hải Đoàn | Tổng Giám đốc | Thu nhập và thưởng chưa trả | 4.539.219.493 |
| Ông Nguyễn Trần Thành | Phó Tổng giám đốc | Thu nhập còn phải trả | 45.680.000 |
| Ông Trương Phúc Giang | Phó Tổng giám đốc | Thu nhập còn phải trả | 45.680.000 |
| Ông Trần Thanh Tuấn | Phó Tổng giám đốc | Thu nhập còn phải trả | 45.680.000 |
| Ông Đặng Quang Duy | Thành viên HĐQT | Thù lao HĐQT còn phải trả | 2.000.000 |
| Ông Võ Văn Mai | Thành viên HĐQT | Thu nhập trong năm và Thù lao HĐQT còn phải trả | 2.000.000 |
| Ông Nguyễn Duy Nguyên | Thành viên HĐQT | Thù lao HĐQT còn phải trả | 2.000.000 |
| Ông Đặng Hoàng Giang | Thành viên HĐQT | Thù lao HĐQT còn phải trả | 3.000.000 |
| Bà Lê Thị Thanh Châu | Thành viên HĐQT | Thù lao HĐQT còn phải trả | 2.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Xuân | Ban Kiểm soát | Thù lao Ban kiểm soát còn phải trả | 3.000.000 |
| Bà Lương Thị Hiền | Ban Kiểm soát | Thù lao Ban kiểm soát còn phải trả | 2.000.000 |
| Ông Phan Như Long | Ban Kiểm soát | Thù lao Ban kiểm soát còn phải trả | 2.000.000 |

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Số liệu so sánh này đã được điều chỉnh hồi tố do phát hiện sai sót, nội dung điều chỉnh: Ghi giảm giá vốn đã trích trước, trích bổ sung chi phí và ghi nhận bổ sung chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh hồi tố như sau:

| Chỉ tiêu | Mã số | 01/04/2021 | 01/04/2021 | Số điều chỉnh VND (1-2) |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------|
| | | VND Sau hồi tố (1) | VND Trước hồi tố (2) | |
| Bảng Cân đối kế toán | | | | |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 4.009.002.973 | 3.201.002.973 | 808.000.000 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 882.524.000 | 4.922.524.000 | (4.040.000.000) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 4.923.631.528 | 1.691.631.528 | 3.232.000.000 |
| <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | <i>4.701.179.362</i> | <i>1.469.179.362</i> | <i>3.232.000.000</i> |
| Chỉ tiêu | Mã số | Năm trước VND Sau hồi tố | Năm trước VND Trước hồi tố | Số điều chỉnh VND |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 618.473.308.825 | 622.513.308.825 | (4.040.000.000) |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 21.895.297.821 | 17.855.297.821 | 4.040.000.000 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | (39.187.894.215) | (43.227.894.215) | 4.040.000.000 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 16.192.369.686 | 12.152.369.686 | 4.040.000.000 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 11.491.190.324 | 10.683.190.324 | 808.000.000 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 4.701.179.362 | 1.469.179.362 | 3.232.000.000 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 16.192.369.686 | 12.152.369.686 | 4.040.000.000 |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 5.064.507.014 | 9.104.507.014 | (4.040.000.000) |

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

1/8
17
11
G
1/1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

Trần Thị Phương Thảo

Trần Thị Phương Thảo